

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 89/2022/TLST – DS ngày 15 tháng 6 năm 2022;

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện. Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

Nguyên đơn: Công ty TNHH M; Địa chỉ: T, Tòa P, số 5, đường D, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền: Công ty L; Địa chỉ: H, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn T; Địa chỉ: H, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng;

Bị đơn: Bà Y T, sinh năm 1994; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn B, thị trấn P, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum;

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về việc thanh toán tiền:

Chị Y L thừa nhận vào ngày 04/04/2018 có ký hợp đồng tín dụng số 20180404-0007044 với Công ty tài chính TNHH N vay số tiền 52.750.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 3,92%/tháng để tiêu dùng cá nhân, không có thế chấp tài sản. Trong quá trình thực hiện hợp đồng chị T đã trả 20.254.000 đồng, bao gồm cả tiền gốc và lãi. Nay Công ty tài chính TNHH N chuyển nhượng cho Công ty TNHH M khoản nợ của chị T. Chị T đồng ý sẽ có trách nhiệm trả Công ty TNHH M, như sau:

Trả dư nợ gốc tính đến ngày 22/8/2022 còn nợ: 44.435.658 đồng (*Bốn mươi bốn triệu, bốn trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng*);

Trả dư nợ lãi: Tính lại lãi suất, tính đến ngày 22/8/2022 còn nợ 25.896.371 đồng (*Hai mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn, ba trăm bảy mươi một đồng*), (*tương đương mức lãi 16,3%/01 năm*).

Tổng cả nợ gốc và lãi là: 70.332.029 đồng (*Bảy mươi triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn, không trăm hai mươi chín đồng*).

+/ Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015: Công nhận sự thỏa thuận giữa Công ty TNHH M với chị Y T: Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật nếu chị Y T chậm trả tiền cho Công ty TNHH M thì phải trả lãi 10%/năm/số tiền nợ gốc chậm trả cho đến khi thanh toán xong nợ.

-Về án phí: Căn cứ Điều 144 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Chị Y T chịu trách nhiệm nộp 1.758.000đ (*Một triệu, bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước. Công ty TNHH M được nhận lại 1.758.000đ (*Một triệu, bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0002758 ngày 15/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Lưu: HSVA.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Hảo**